

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 01 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Biên Ai

Bà Ngô Diễm Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 607/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Ngọc H, sinh năm 1977.

Cư trú tại: ấp Tân Hòa A, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: ấp Hòa 1, xã L, huyện Đ, tỉnh B. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Dương Minh M, sinh năm 1976.

Cư trú tại: ấp Tân Hòa A, xã T, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2019 trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Ngọc H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông M chung sống vào năm 1999, hôn nhận tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xảy ra cự cãi về những chuyện vô cớ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không khắc phục được. Hiện bà và ông M đã ly thân 12 năm nay. Nay bà xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể chung sống cùng ông M được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông M .

Về nuôi con chung: Có 02 con tên Dương Trúc M , sinh năm 2000 và Dương Chí T , sinh ngày 08/01/2006. Hiện nay cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T bà H đồng ý giao cho ông M nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Minh M trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và mâu thuẫn đúng như bà H trình bày. Nay ông xét thấy giữa ông với bà H sống không hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H .

Về nuôi con chung: Có 02 con tên Dương Trúc M , sinh năm 2000 và Dương Chí T , sinh năm 2006, hiện các con đang sống cùng ông. Khi ly hôn cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với Chí T ông đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Bà H và ông M xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Vào ngày 21 tháng 01 năm 2020 bà Bùi Ngọc H và ông Dương Minh M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông M .

[2] *Về hôn nhân*: Bà H với ông M sống với nhau vào năm 1999, hôn nhận tự nguyện, không đăng ký kết hôn và đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định, nên quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và hiện bà H với ông M đã ly thân hơn 12 năm. Nay bà H xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông M , tại phiên hòa giải ngày 21/01/2020 ông M xác định giữa ông với bà H sống không hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H . Do bà H với ông M chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều

14 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà H với ông M là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: Tên Dương Trúc M , sinh năm 2000 và Dương Chí T , sinh ngày 08/01/2006, hiện các con đang sống cùng ông M . Khi ly hôn cháu M đã trưởng thành và không hạn chế về khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên hòa giải bà H và ông M thỏa thuận giao cháu Chí T cho ông M nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con ...*”. Viện dẫn từ điều luật trên, thấy rằng ông M và bà H đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con. Do đó, cần giao cháu Chí T cho ông M nuôi dưỡng. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con ông M không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về chia tài sản chung và nợ*: Bà H và ông M xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Ngọc H với ông Dương Minh M là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao Dương Chí T , sinh ngày 08/01/2006 cho ông M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Bùi Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010148 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà H , ông M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Giang Nam